TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 05- 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa***: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 218/2021/TLST – DS, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX – ST ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần P, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1993 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Phước L trình bày:

Ông Trần Phước L và vợ là bà Nguyễn Thị Y có 01 xe ô tô Biển số 52Z-7337 mua lại của bà Đỗ Thị Minh P, tuy nhiên chỉ làm hợp đồng ủy quyền chứ không làm thủ tục mua bán theo quy định. Anh Hoàng Văn K là người cùng thôn với ông L cần thuê xe để chở sầu riêng nên anh K thường hay thuê xe ô tô Biển số 52Z-7337 của ông L với thời gian ngắn từ 01 đến 02 ngày. Đến ngày 09/7/2020, anh K tiếp tục thuê xe ô tô Biển số 52Z-7337 với thời gian 15 ngày, từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 23/7/2020 với giá 600.000 đồng/ngày. Việc thuê xe này giữa ông L và anh K có làm hợp đồng. Hết ngày 23/7/2020, anh K vẫn có nhu cầu thuê xe đến ngày 13/9/2020, ông L đồng ý nhưng không viết giấy thuê xe. Tới ngày 13/9/2020, K chạy xe đến nói chưa có tiền trả tiền thuê xe nên hẹn đến khi nào thu tiền sầu riêng thì sẽ trả. Để đảm bảo cho việc này thì bà Nguyễn Thị Y là vợ ông L yêu cầu phải viết giấy thuê xe thì anh K đồng ý. Do anh K thuê xe từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 23/7/2020 chưa trả tiền thuê xe nên các bên thống nhất viết giấy anh K thuê xe từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 13/9/2020 với giá 600.000 đồng/ngày, tổng số tiền 39.000.000 đồng. Nếu tới ngày 13/9/2020, anh K không thanh toán tiền thì sẽ chịu mọi trách nhiệm. Nếu sai anh K phải chịu mọi các khoản chi phí nếu bất trắc xảy ra. Sau khi đọc xong, anh K thống nhất và ký vào giấy. Do tin tưởng anh K nên ông L, bà Y vẫn đồng ý cho anh K chạy xe sau ngày 13/9/2020, nhưng anh K chạy thêm ngày nào thì phải trả tiền thuê xe ngày đó. Tuy nhiên, anh K không trả tiền cũng không mang xe về trả, ông L cũng không liên lạc được nên đã xem định vị trên xe ô tô thì mới biết xe đang nằm tại Công ty TMDV An Thịnh tại phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ông L đã liên hệ với Công ty An Thịnh thì mới biết anh K chạy xe bị hư và mang xe đến Công ty để sửa nhưng không quay lại lấy xe. Sau đó, ông L đã thuê người chở xuống Đồng Xoài và bỏ ra số tiền sửa xe là 3.700.000 đồng để lấy xe về. Trước khi cho thuê xe thì trên xe có 01 bánh xe dự phòng nhưng khi lấy xe về thì ông L không thấy bánh xe dự phòng nữa.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc anh K phải trả cho vợ chồng Long, bà Y số tiền thuê xe từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 13/9/2020, tiền thuê xe từ ngày 14/9/2020 cho đến ngày 09/10/2020 (ngày ông L lấy xe từ Công ty TMDV An Thịnh về) tổng là 90 ngày với giá 600.000đồng/ngày là 54.000.000 đồng; tiền sửa xe tại Công ty An Thịnh là 3.700.000 đồng; tiền đổ xăng vào xe để chạy về là 700.000 đồng; tiền thuê tài xế chạy xe từ Công ty TMDV An Thịnh về nhà là 200.000 đồng, tiền 01 cái bánh xe (bao gồm cả mâm xe) là 6.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông L yêu cầu là 65.200.000 đồng. Ngoài ra, ông L không có bất cứ yêu cầu nào khác.

Anh Hoàng Văn K trình bày: Anh K có thuê của ông Trần Phước L 01 ô tô Biển số 52Z-7337 từ ngày 07/9/2020 đến ngày 13/9/2020 với giá 600.000đồng/ngày. Do không có tiền trả nên ông L, bà Y yêu cầu phải viết giấy xác nhận anh K nợ số tiền thuê xe từ ngày 07/9/2020 đến ngày 13/9/2020 là 39.000.000 đồng. Quá trình sử dụng xe anh K có mang xe đến Công ty An Thịnh tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để sửa xe. Sau đó, anh K để xe tại Công ty An Thịnh để về lo tiền lấy xe và trả tiền thuê xe cho ông L. Tuy nhiên, khi anh K chưa lo được tiền thì ông L đã xuống lấy xe về và khởi kiện anh K ra Tòa án. Quá trình sử dụng xe, do xe bị lủng bánh nên anh đã dùng bánh xe dự phòng có sẵn trên xe để thay và để bánh xe bị hư tại nhà trọ ở thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Anh K xác nhận hiện nay chưa trả tiền thuê xe cho ông Khon như thỏa thuận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì anh K đồng ý trả số tiền thuê xe là 39.000.000 triệu đồng, tiền sửa xe là 3.700.000 đồng, tiền thuê tài xế và đổ xăng để ông L lấy xe từ Đồng Xoài về là 900.000 đồng, tiền thay lốp xe là 1.900.000 đồng. Anh K không đồng ý trả tiền thuê xe từ ngày 14/9/2020 cho đến ngày 09/10/2020 và tiền mâm xe do mâm xe hiện nay vẫn còn sử dụng được.

Đồng thời xin được trả dần các khoản nợ ông L, bà Y mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu ông L, bà Y không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà Y là vợ của ông Trần Phước L. Xe ô tô Biển số 52Z-7337 là tài sản ông L và bà Y cùng mua của bà Đỗ Thị Minh Phượng năm 2016 để đi lại và cho người khác thuê kiếm thêm thu nhập. Sau khi mua xe thì anh Hoàng Văn K thường hay thuê xe của vợ chồng bà Y với thời gian ngắn khoảng từ 1 đến 02 ngày thì hai bên có làm hợp đồng. Đến ngày 09/7/2020, anh K tiếp tục thuê xe với thời gian 15 ngày, từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 23/7/2020 với giá 600.000 đồng/ngày. Việc thuê xe này các bên có làm hợp đồng. Hết ngày 23/7/2020, anh K vẫn có nhu cầu thuê xe tiếp đến ngày 13/9/2020 nên vợ chồng ông L đồng ý nhưng các bên không làm giấy tờ. Ngày 10/9/2020 anh K chạy xe đến, bà Y yêu cầu anh K trả tiền thuê xe trước đó nhưng anh K nói chưa có tiền trả tiền thuê xe hẹn đến ngày 13/9/2020 sẽ đưa cho ông L, bà Y. Để đảm bảo cho việc trả tiền của anh K thì bà Y yêu cầu phải viết giấy thuê xe với Khon thì Khon đồng ý. Do từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 23/7/2020, anh K vẫn chưa trả tiền thuê xe nên bà Y đã viết giấy thuê xe từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 13/9/2020 với giá tiền 600.000 đồng/ngày, tổng là 39.000.000 đồng. Sau khi đọc xong, anh K thống nhất ký vào giấy.

Hết ngày 13/9/2020, không thấy anh K mang xe và tiền đến trả cho nên ông L, bà Y gọi điện cho anh K nhưng không liên lạc được. Sau khi kiểm tra định vị trên xe ô tô thì mới biết xe đang ở Công ty An Thịnh tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Anh K mang xe đi sửa nhưng không quay lại lấy xe cũng không báo cho bà Y, ông L biết nên bà Y, ông L đã bỏ ra số tiền sửa xe là

3.700.000 đồng để lấy xe về. Trước khi cho thuê xe thì trên xe có 01 bánh xe dự phòng nhưng khi lấy xe về không thấy bánh xe dự phòng nữa.

Do đây là tài sản chung của bà Y và ông L nên bà Y thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L buộc anh K phải thanh toán cho ông L, bà Y tổng số tiền 65.200.000 đồng. Ngoài ra, bà Y không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông L không yêu cầu anh K phải bồi thường giá trị của 01 cái mâm xe do mâm xe này ông L đã lấy về, hiện vẫn còn sử dụng được. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại ông L vẫn giữ nguyên. Cụ thể, yêu cầu anh K thanh toán cho ông L, bà Y khoản tiền thuê xe là 54.000.000 đồng, tiền sửa xe là 3.700.000 đồng, tiền thuê tài xế và đổ xăng để lấy xe về là 900.000 đồng, tiền lốp xe là 1.869.000 đồng. Tổng số tiền là 60.469.000 đồng.

Bị đơn anh Hoàng Văn K đồng ý thanh toán cho ông L, bà Y số tiền 60.469.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông L và xin được trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước L, buộc anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ trả cho ông L và bà Nguyễn Thị Y tổng số tiền 60.469.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện anh Hoàng Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn 11, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để yêu cầu anh K phải thanh toán tiền thuê xe, chi phí sửa xe và các khoản tiền khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Y.

Về nội dung:

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất nội dung: Anh Hoàng Văn K có thuê của ông L, bà Y 01 xe ô tô 52Z-7337 từ ngày 09/7/2020 cho đến 13/9/2020 với giá 600.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, đến hẹn anh K chưa có tiền trả nên hai bên đã thống nhất viết giấy tay với nội dung anh K thuê xe của ông L, bà Y từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 13/9/2020 với giá tiền 600.000 đồng/ngày, tổng là 39.000.000 đồng.

[4] Tuy nhiên, do anh K không trả tiền và mang xe ô tô về trả cho ông L, bà Y nên ông L, bà Y kiểm tra định vị mới phát hiện xe đang được sửa chữa tại Công ty TMDV An Thịnh tại phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên ngày 09/10/2020 ông L đã thanh toán tiền sửa xe 3.700.000 đồng và mang xe về. Do anh K không trả tiền thuê xe cho ông L nên ông L khởi kiện yêu cầu anh K phải thanh toán cho vợ chồng Long, bà Y số tiền thuê xe từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày 09/10/2020 (ngày ông L lấy xe từ Công ty TMDV An Thịnh về) là 54.000.000 đồng; tiền sửa xe tại Công ty An Thịnh là 3.700.000 đồng; tiền đổ xăng vào xe để chạy về là 700.000 đồng; tiền thuê tài xế chạy xe từ Công ty TMDV An Thịnh về nhà là 200.000 đồng, tiền bồi thường 01 cái bánh xe (bao gồm cả mâm xe) là 6.600.000 đồng, tổng cộng là 65.200.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, ông L không yêu cầu anh K phải bồi thường giá trị 01 cái mâm xe mà chỉ yêu cầu anh K thanh toán khoản tiền thuê xe là 54.000.000 đồng, tiền sửa xe là 3.700.000 đồng, tiền thuê tài xế và đổ xăng để lấy xe về là 900.000 đồng, tiền lốp xe là 1.869.000 đồng. Tổng số tiền là 60.469.000 đồng.

Bị đơn anh K đồng ý thanh toán cho ông L, bà Y tổng số tiền 60.469.000 đồng theo yêu cầu của ông L. Hiện nay anh K có hoàn cảnh khó khăn nên xin ông L được trả dần 1.000.000 đồng/tháng nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên đề nghị này của anh K không được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên xét thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, buộc anh K có nghĩa vụ thanh toán cho ông L, bà Y tổng số tiền là 60.469.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà Y, ông L tương đương số tiền 3.023.450 đồng. Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 472, 477, 479, 481, Điều 482 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước L. Buộc anh Hoàng Văn K phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Phước L và bà Nguyễn Thị Y số tiền 60.469.000 đồng (*Sáu mươi triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn K phải chịu 3.023.450 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng)*.

Ông Trần Phước L không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.465.000 đồng (*Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015729 ngày 21/10/2020.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào